

Số: /2024/QĐ-UBND Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

“DỰ THẢO 2”

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng theo điểm c khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị; gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức được giao quản lý tài sản cố định.

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn tài sản cố định.

Điều 2. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù, cụ thể theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập), cụ thể theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và quy định tại Quyết định này thực hiện ghi sổ kế toán, hạch toán và quản lý, tính hao mòn tài sản theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện quản lý, tính hao mòn tài sản cố định theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2024 và thay thế Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết là tài sản cố định hữu hình; danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Hộp thư điện tử: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 01

QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày /
/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

STT	DANH MỤC
Loại 1	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng
	Nhóm hiện vật bằng vàng
	Nhóm hiện vật bằng bạc, đồng, kim loại
	Nhóm hiện vật nhựa
	Nhóm hiện vật thủy tinh
	Nhóm hiện vật đồ mộc
	Nhóm hiện vật chất liệu vải
	Nhóm hiện vật chất liệu giấy
	Nhóm hiện vật chất đồ da
	Nhóm hiện vật chất liệu xương
	Nhóm hiện vật chất liệu gốm
	Nhóm hiện vật chất liệu đất đá
	Nhóm hiện vật chất liệu chất khác
Loại 2	Lăng tẩm, di tích, danh thắng cấp quốc gia
Loại 3	Di tích, danh thắng cấp tỉnh

Phụ lục 02

QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIẢN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TRỪ THƯƠNG HIỆU CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP)

(Ban hành Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

STT	DANH MỤC	THỜI GIẢN TÍNH HAO MÒN (Năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)
Loại 2	Quyền tác giả		
	- Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	25	4
	- Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
	- Quyền tác giả khác	25	4
Loại 3	Quyền sở hữu công nghiệp		
	- Bằng phát minh, sáng chế	25	4
	- Bản quyền phần mềm máy tính	25	4
	- Khác	25	4
Loại 4	Quyền đối với giống cây trồng		
	- Quyền đối với cây trồng	25	4
	- Công nhận giống sản xuất (bản quyền tác giả)	25	4
Loại 5	Phần mềm ứng dụng		
	- Cơ sở dữ liệu	5	20
	- Phần mềm kế toán	5	20
	- Phần mềm tin học văn phòng	5	20
	- Phần mềm ứng dụng khác:		
	+ Phần mềm thương mại	5	20
	+ Phần mềm nội bộ	4	25

